

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG THỊ NẠI**
Số: 24 /CTN-BCTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Định, ngày 25 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THỊ NẠI**
Năm báo cáo: **2014**

I- Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THỊ NẠI**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 4100259282
- Vốn điều lệ : 71.000.000.000 đồng (Bảy mươi một tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 71.000.000.000 đồng (Bảy mươi một tỷ đồng)
- Địa chỉ : 02 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Số điện thoại : 056.3891667-3892991
- Fax : 056.3892097
- Website : thinaiport.com.vn
- Email : thinaiport@vnn.vn - thinaiportqn@gmail.com
- Mã cổ phiếu : TNP

2. Quá trình hình thành và phát triển:

-Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 05/01/1994 của UBND tỉnh Bình Định trên cơ sở tách từ đơn vị hạch toán nội bộ của Công ty Vận tải biển - Xuất nhập khẩu Bình Định thành một DNNN trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Bình Định, có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập theo luật DNNN, đất đai thuộc Bộ quốc phòng.

-Năm 2003 mới được Bộ Giao thông Vận tải cho phép làm hàng tàu quốc tế. Tháng 9/2007, Bộ Quốc phòng giao chủ quyền đất đai cho Tỉnh và bắt đầu xây dựng cơ sở hạ tầng.

-Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 08/7/2008 chuyển cảng Thị Nại làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Sản xuất - Đầu tư - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Bình Định để thực hiện cổ phần hoá.

-Quyết định số 2598/QĐ-CTUBND ngày 09/10/2009 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Cảng Thị Nại và chính thức hoạt động mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/01/2010.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xếp dỡ hàng hoá.
- Cho thuê kho, bãi, văn phòng làm việc.
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển, ô tô.
- Dịch vụ giao nhận, cung cấp điện, nước, cân ô tô điện tử.
- Môi giới, dịch vụ vận tải tàu biển, ô tô.
- Cho thuê thiết bị cầu – nâng hàng.
- Lai dắt tàu biển.
- Dịch vụ kỹ thuật kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ.
- Dịch vụ thương mại; mua bán VLXD, nông sản, khoáng sản.
- Địa bàn kinh doanh : TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Các phòng chức năng: Kinh doanh, Kế toán, Kỹ thuật, Nhân chính và các đội sản xuất: Cơ giới, Giao nhận, Bốc xếp, bảo vệ và Xưởng Sửa chữa.

5. Định hướng phát triển:

- Mục tiêu: Phân đầu đưa cổ phiếu Công ty lên sàn trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, tham gia thị trường chứng khoán.
- Chiến lược phát triển trung, dài hạn : Tiếp tục đầu tư đồng bộ trang thiết bị xếp dỡ để khai thác hiệu quả cầu tàu 10.000 DWT dài 160m và sau năm 2015 xem xét nâng cấp 123m cầu cảng 5.000 DWT thành 20.000 DWT nhằm đạt sản lượng thông qua cảng từ 1,5 – 2 triệu tấn/năm. Mở rộng thêm các dịch vụ hoạt động đại lý hàng hải, thương mại hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh chính.

6. Các rủi ro:

- Hoạt động kinh doanh ngành dịch vụ cảng biển phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của địa phương và khu vực, kinh tế phát triển thì hàng hoá thông qua cảng càng nhiều, nếu ngược lại sẽ ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các mục tiêu của Công ty đã đề ra.
- Giá cả vật tư, nhiên liệu,... biến động bất thường theo xu hướng tăng, ảnh hưởng đến giá thành dịch vụ, chỉ tiêu lợi nhuận, cổ tức của doanh nghiệp.
- Khu vực phát triển thêm nhiều cảng biển dẫn đến sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, không lành mạnh. Công ty không có lợi thế so với các cảng khác nên độ rủi ro cao.

II – Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Việc đầu tư xây dựng nâng cấp Bến cập tàu 10.000DWT chậm hoàn thành, chiều dài cầu bến bị thu hẹp, cơ sở hạ tầng kho bãi diện tích nhỏ, thiết bị xếp dỡ thiếu và lạc hậu, bốc xếp thủ công (mặt hàng bao là chính), năng lực hoạt động kinh doanh bị hạn chế. Kế

hoạch đề ra của năm 2014 dựa trên kế hoạch đưa Bến cập tàu 10.000DWT vào khai thác trong quý II năm 2014 nhưng kết thúc năm vẫn chưa đưa vào khai thác nên kết quả đạt được hạn chế so với nghị quyết. Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (VND)	Thực hiện (VND)	Hoàn thành (%)
1	Sản lượng hàng thông qua cảng (Tấn)	900.000	758.838	84
2	Tổng doanh thu	45.700.000.000	42.618.723.415	93
3	Lợi nhuận trước thuế	8.500.000.000	6.554.564.696	77
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.870.000.000	1.397.330.015	75
5	Lợi nhuận sau thuế	6.630.000.000	5.157.234.681	78
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	933	726	78
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VDL (%)	9,3	7,2	77
8	Tỷ lệ cổ tức/năm (%)	7,0	6,0	86

2. Tổ chức và nhân sự

a. Ban điều hành:

- + Giám đốc: Trần Công Triệu
 - Số CMND: 210270691 , ngày cấp: 25/11/2001, nơi cấp: Bình Định
 - Địa chỉ: Tổ 37A, KV4, P.Quang Trung, Quy Nhơn
 - Ngày bổ nhiệm: 19/12/2009
 - Cổ phần sở hữu : 92.700 cổ phần Tỷ lệ : 1.31%
- + Phó Giám đốc: Trần Dương
 - Số CMND: 211059142 , ngày cấp: 25/06/2008, nơi cấp: Bình Định
 - Địa chỉ: 18/12 Trần Văn Ôn, tổ 13, KV3, P. Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn
 - Ngày bổ nhiệm: 01/01/2013
 - Cổ phần sở hữu : 56.800 cổ phần Tỷ lệ : 0,81%
- + Kế toán trưởng: Đồng Thị Quỳnh Hương
 - Số CMND: 211750808 , ngày cấp: 08/05/2003, nơi cấp: Bình Định
 - Địa chỉ: 78 Bà Triệu, Quy Nhơn
 - Ngày bổ nhiệm: 01/11/2013
 - Cổ phần sở hữu : 13.100 cổ phần Tỷ lệ : 0,18%

b. Số lượng cán bộ, công nhân viên: 242 người

+ Các phòng chức năng:

- Phòng Kinh doanh: 9 người (trong đó Điều độ: 4)
- Phòng Kế toán: 4 người
- Phòng Nhân chính: 3 người

- Phòng Kỹ thuật: 3 người
- + Các bộ phận trực tiếp sản xuất:
- Xưởng sửa chữa: 2 người
- Đội Bảo vệ: 9 người
- Đội Cơ giới: 18 người
- Đội Giao nhận: 11 người
- Đội Bốc xếp: 184 người

3. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

ĐVT : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	%tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	85.049.612.254	85.694.144.007	101
Doanh thu thuần	36.373.610.944	41.949.888.229	115
Lợi nhuận khác	206.015.895	160.801	0.07
Lợi nhuận trước thuế	5.711.703.313	6.554.564.696	115
Lợi nhuận sau thuế	4.293.583.503	5.157.234.681	120
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	605	726	120

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLD/Nợ ngắn hạn)	3,36	3,02	
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLD – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	3,35	3,01	
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	9,2	9,4	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	10,2	10,4	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	249	320	
+ Hiệu quả sử dụng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	42,77	48,95	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Tỷ suất lợi nhuận (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	11,80	10,72	
+ Tỷ suất vốn chủ sở hữu (ROE)	5,72	6,66	

02
DN
3 F
10'
VHC

(Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu) + Tỷ suất sinh lời tài sản (ROA)	5,14	7,68	
(Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản) + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Dthu thuần	27,00	25,00	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần :

- Loại cổ phần: Phổ thông
- Tổng số cổ phần **7.1000.000** cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

Tổng hợp theo danh sách tại ngày 31/12/2014 như sau

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1-Số lượng cổ đông	150	7.100.000	100
2-Cổ đông lớn (sở hữu >5% tổng cổ phần)	2	6.052.600	85,25
3-Cổ đông tổ chức	2	6.052.600	85,25
4-Cổ đông cá nhân	148	1.047.400	14,75
5-Cổ đông trong nước	150	7.100.000	100

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : có

- Ngày 08/07/2014 Công ty TNHH TM Ánh Vy đã mua thêm 1.100.000 cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu từ 2.138.700 cổ phần (30,12%) lên 3.238.700 cổ phần (45,6%).
- Ngày 08/07/2014 Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng Kim Cúc đã bán hết cổ phần sở hữu (800.000 cổ phần) thu hồi vốn hoạt động sản xuất kinh doanh .

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e. Các chứng khoán khác: không

III- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2014 hoạt động kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn, cầu bến 10.000DWT chưa hoàn thành để công bố đưa vào khai thác, thiết bị xếp dỡ không được đầu tư đổi mới, thiếu nghiêm trọng, không đáp ứng nhu cầu kinh doanh, bỏ lỡ nhiều cơ hội để cạnh tranh thu hút khách hàng, sản lượng tăng không đáng kể, hiệu quả kinh tế không cao, đời sống thu nhập của CBCNV vẫn thấp so với các cảng trong cùng khu vực.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

DVT : đồng

59
G
'H/
PH
INT